

Số: 75/KL-TTT

Hưng Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

**Việc chấp hành pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty cổ phần đầu tư
bao bì EPS Việt Nam, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên**
(Thời kỳ thanh tra từ năm 2020 – 2023)

Thực hiện Quyết định số 140/QĐ-TTT ngày 05/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Hưng Yên: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (Thời kỳ thanh tra từ năm 2020 đến hết năm 2023). Từ ngày 19/9/2024 đến ngày 24/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 01/11/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra. Chánh thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam có trụ sở tại Km20, Quốc lộ 5A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 15/6/2007; thay đổi lần thứ 5 ngày 02/5/2024 (Mã số doanh nghiệp 0900220939). Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm xốp từ hạt nhựa.

Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung; Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12; Hình thức kê khai nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ; Đăng ký, kê khai, nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Hưng Yên; Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng; Mã số thuế: 0900220939.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do đơn vị cung cấp: Năm 2021, Cục thuế tỉnh Hưng Yên kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế GTGT, TNDN, TNCN tại Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam năm 2019, 2020 (theo Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 30/3/2021 và đã có Biên bản kiểm tra ngày 09/4/2021). Vì vậy, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam từ năm 2020-2023 (Riêng năm 2020 chỉ giới hạn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lệ phí Môn bài; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền thuê đất).

Kết quả thanh tra các năm cụ thể như sau:

1. Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp NSNN

1.1. Việc chấp hành pháp luật về lệ phí Môn bài

Đơn vị chấp hành nộp lệ phí môn bài đầy đủ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Lệ phí môn bài. Tổng số lệ phí Môn bài Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam đã nộp trong 04 năm từ 2020-2023 là 12.000.000 đồng (*năm 2020: 3.000.000 đồng; năm 2021: 3.000.000 đồng; năm 2022: 3.000.000 đồng; năm 2023: 3.000.000 đồng*).

1.2. Việc chấp hành pháp luật về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam từ năm 2021 - 2023 thấy: hàng năm, đơn vị đã chấp hành Luật thuế GTGT, việc kê khai thuế GTGT hàng tháng được đơn vị thực hiện cơ bản đúng về thời gian; đầy đủ, đúng các chỉ tiêu số liệu theo mẫu biểu quy định. Tổng số thuế GTGT đơn vị kê khai và đã thực hiện nộp ngân sách nhà nước từ năm 2021-2023 là 4.348.102.562 đồng (*năm 2021: 2.076.749.779 đồng; năm 2022: 454.164.785 đồng; năm 2023: 1.817.187.998 đồng*). Qua kiểm tra chưa phát hiện các tồn tại, sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại đơn vị.

1.3. Việc chấp hành pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Căn cứ hồ sơ, tài liệu do đơn vị cung cấp thấy: Công ty chấp hành các quy định của Luật thuế TNDN như nộp tờ khai quyết toán thuế và báo cáo tài chính cho cơ quan thuế đầy đủ theo quy định. Tổng số thuế TNDN đơn vị kê khai, quyết toán và nộp NSNN từ năm 2021-2023 là 1.024.255.150 đồng (*năm 2021: 243.550.599 đồng; năm 2022: 129.808.268 đồng; năm 2023: 650.896.282 đồng*). Tuy nhiên, qua thanh tra Đoàn thanh tra tính tăng số thuế TNDN phải nộp ngân sách Nhà nước so với báo cáo quyết toán từ năm 2021 - 2023 của đơn vị là 65.961.172 đồng (*năm 2021: 12.055.486 đồng; năm 2022: 26.579.928 đồng; năm 2023: 27.325.759 đồng*); nguyên nhân do đơn vị trích khấu hao một số tài sản cố định vượt mức quy định tại Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTC ngày 20/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

1.4. Việc chấp hành pháp luật về Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Thời kỳ thanh tra từ năm 2020-2023: Đơn vị không phát sinh số thuế TNCN phải nộp; Đơn vị thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN theo quy định, hồ sơ lưu trữ đầy đủ, hồ sơ giảm trừ gia cảnh cho các đối tượng đảm bảo theo quy định.

1.5. Việc chấp hành pháp luật về Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đơn vị chấp hành pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 10/VBHN ngày 15/5/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đơn vị phải nộp vào Ngân sách nhà nước từ năm 2020-2023 là 21.956.220 đồng (*năm 2020: 4.990.050 đồng; năm 2021: 4.990.050 đồng; năm 2022: 5.988.060 đồng; năm 2023: 5.988.060 đồng*). Đơn vị đã nộp đủ vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

1.6. Về tiền thuê đất

Ngày 16/9/2019, Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam ký Hợp đồng thuê đất số 105/HĐ-TĐ với Sở Tài nguyên và Môi trường với diện tích đất thuê là 11.089 m² tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì nhựa xốp; thời hạn thuê đất 35 năm tính từ ngày 14/8/2003 đến ngày 14/8/2038; đơn giá thuê đất 10.000 đồng/m²/năm, giá thuê đất có thời gian ổn định 05 năm kể từ ngày 14/8/2019 đến ngày 13/8/2024, phương thức trả tiền thuê đất hàng năm.

Căn cứ các Thông báo của Chi cục thuế khu vực Yên Mỹ – Ân Thi: Tổng số tiền thuê đất đơn vị phải nộp trong 04 năm từ 2021-2023 là 443.560.000 đồng (*năm 2020 là 110.890.000 đồng; năm 2021 là 110.890.000 đồng; năm 2022 là 110.890.000 đồng; năm 2023 là 110.890.000 đồng*); tổng số tiền thuê đất Công ty được miễn giảm theo quy định tại Quyết định số 27/2021/QĐ-Ttg ngày 25/9/2021 và Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ là 66.534.000 đồng (*năm 2021: 33.267.000 đồng; năm 2023: 33.267.000 đồng*); tổng số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước trong 04 năm từ 2020 - 2023 là 377.026.000 đồng (*năm 2020 là 110.890.000 đồng; năm 2021 là: 77.623.000 đồng; năm 2022 là 110.890.000 đồng; năm 2023 là 77.623.000 đồng*). Qua kiểm tra thấy, Công ty đã nộp đủ tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật về môi trường

2.1. Việc lập và thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường

Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa xốp và được UBND huyện Yên Mỹ cấp Giấy xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2008. Thời điểm hiện tại, Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đối với dự án trình cơ quan có chức năng thẩm định, phê duyệt theo quy định (*Ký hợp đồng dịch vụ số 0107/GPMT2024/SVV-EPS ngày 01/7/2024 với Công ty TNHH kiến trúc xây dựng và môi trường SANVUONVIET về việc tư vấn và lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường*).

Thời kỳ thanh tra (từ năm 2020-2023): Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 33.000198.T, cấp lần đầu ngày 19/8/2011. Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2501/GP-UBND ngày 24/11/2023 với lưu lượng khai thác 12 m³/ngàyđêm; Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên về cung cấp, sử dụng nước sạch và xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp Phố Nối A (*Hợp đồng kinh tế số 198/HĐKT/KCN-PNA ngày 08/5/2023*). Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 06 tháng/lần; đã lập về việc thực hiện khai thác, sử dụng nước dưới đất và báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan có chức năng theo quy định.

2.2. Việc thu gom nước mưa; thu gom, xử lý nước thải

- Về thu gom nước mưa: Công ty đã đầu tư mạng lưới thu gom riêng biệt nước mưa.

- Về quản lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sản xuất: phát sinh từ công đoạn làm mát được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất gồm các tháp giải nhiệt, bể chứa sau đó được sử dụng để tuần hoàn, tái sử dụng không thải ra môi trường; phần phát sinh không thường xuyên từ công đoạn xử lý bụi, khí thải lò hơi sau bể đập bụi ướt định kỳ được Công ty được đưa ra hồ gas đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Phố Nối A.

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ khu vệ sinh nhà văn phòng, nhà xưởng được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 07 m³/ngàyđêm; nước thải nhà ăn được thu gom, lý sơ bộ qua song chắn rác, bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 07 m³/ngàyđêm. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 07 m³/ngàyđêm đạt Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Phố Nối A được đưa ra hồ gas đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Phố Nối A.

2.3. Việc thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn

- Trong quá trình đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ công nhân viên của Công ty với khối lượng khoảng 9.000 kg/năm, đơn vị đã bố trí thiết bị lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt bằng thiết bị lưu giữ phù hợp sau đó được lưu giữ tại khu lưu giữ có diện tích khoảng 08 m². Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty gồm bì cứng thải bằng nhựa, kim loại, gỗ, palet, ... với khối lượng khoảng 15.000 kg/năm; Công ty đã bố trí thiết bị lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp thông thường bằng thiết bị lưu giữ phù hợp sau đó được lưu giữ tại khu lưu giữ có diện tích khoảng 30 m²; tro xỉ phát sinh đang được Công ty lưu giữ ngoài hàng rào của dự án (*tại khu vực hành lang giáp đường giao thông bên ngoài của dự án thuộc đất hạ*

tàng của KCN Phố Nối A). Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh gồm bóng đèn huỳnh quang, mực in, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu động cơ thải, ... với khối lượng khoảng dưới 100 kg/năm; Công ty đã bố trí các thùng nhựa chuyên dụng có dung tích phù hợp để lưu giữ CTNH phát sinh sau đó lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ có diện tích khoảng 8 m²; khu lưu giữ CTNH kết cấu tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Biện pháp xử lý chất thải:

Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với các Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghiệp & môi trường Việt Nam có đăng ký ngành nghề, đảm bảo điều kiện chức năng xử lý theo quy định.

2.4. Việc thu gom, xử lý khí thải, bụi

Căn cứ Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án của Công ty đề nghị UBND huyện Yên Mỹ thẩm định, cấp phép: đơn vị đã đầu tư, lắp đặt lò hơi sử dụng nguyên liệu (vỏ cây, sinh khối, ...) và hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi với công suất 50.000 m³/giờ đảm bảo bụi, khí thải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với hệ số Kp, Kv theo quy định) trước khi thải ra môi trường; đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định.

2.5. Kết quả kiểm tra hiện trạng

Thời điểm kiểm tra hiện trạng (20/10/2024): Chất thải rắn công nghiệp (tro xỉ) phát sinh tại dự án đang được Công ty lưu giữ ngoài hàng rào của dự án; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại chưa bố trí vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý bụi, khí thải chưa gắn đầy đủ biển tên công trình, biển tên các hạng mục công trình xử nước thải sinh hoạt; công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải tại dự án.

Sau khi Đoàn thanh tra nhắc nhở đối với Công ty về các tồn tại nêu trên, Công ty đã kịp thời khắc phục các tồn tại theo ý kiến của Đoàn thanh tra chỉ ra.

III. KẾT LUẬN

1. Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp NSNN

- Việc chấp hành pháp luật về lệ phí Môn bài

Đơn vị đã nộp đủ lệ phí Môn bài theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí Môn bài với tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT

Thời kỳ thanh tra: việc kê khai thuế GTGT được thực hiện đảm bảo về thời gian, đầy đủ, đúng các chỉ tiêu số liệu theo mẫu biểu quy định. Số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm 2024 là 523.322.427 đồng. Đơn vị kê khai và thực hiện nộp ngân sách nhà nước số thuế GTGT là 4.348.102.562 đồng (năm 2021: 2.076.749.779 đồng; năm 2022: 454.164.785 đồng; năm 2023: 1.817.187.998 đồng). Qua kiểm tra chưa phát hiện các tồn tại, sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại đơn vị.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế TNDN

Tổng số thuế TNDN đơn vị kê khai, quyết toán và nộp ngân sách nhà nước từ năm 2021-2023 là 1.024.255.150 đồng (năm 2021: 243.550.599 đồng; năm 2022: 129.808.268 đồng; năm 2023: 650.896.282 đồng). Tuy nhiên, qua kiểm tra Đoàn thanh tra tính tăng số thuế TNDN phải nộp ngân sách Nhà nước so với báo cáo quyết toán từ năm 2021-2023 của đơn vị là 65.961.172 đồng (năm 2021: 12.055.486 đồng; năm 2022: 26.579.928 đồng; năm 2023: 27.325.759 đồng); nguyên nhân do đơn vị hạch toán vào chi phí khi tính thuế TNDN khoản trích khấu hao một số tài sản cố định vượt mức quy định tại Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTC ngày 20/7/2017 của Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN

Thời kỳ thanh tra từ năm 2021-2023: đơn vị không phát sinh số thuế TNCN phải nộp; việc thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN đảm bảo theo quy định.

- Việc chấp hành pháp luật về Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đơn vị chấp hành pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đơn vị đã nộp vào ngân sách nhà nước từ năm 2021-2023 là 20.469.600 đồng (năm 2021: 5.117.400 đồng; năm 2022: 7.676.100 đồng; năm 2023: 7.676.100 đồng).

- Về tiền thuê đất

Tổng số tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước trong 04 năm từ 2020 - 2023 là 377.026.000 đồng (năm 2020 là 110.890.000 đồng; năm 2021 là: 77.623.000 đồng; năm 2022 là 110.890.000 đồng; năm 2023 là 77.623.000 đồng). Qua kiểm tra thấy, Công ty đã nộp đủ tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật về môi trường

- Việc lập và thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường

Thời kỳ thanh tra (từ năm 2020-2023): Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 33.000198.T, cấp lần đầu ngày 19/8/2011. Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2501/GP-UBND ngày 24/11/2023 với lưu lượng khai thác 12 m³/ngàyđêm; Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên về cung cấp, sử dụng nước sạch và xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp Phố Nối A (*Hợp đồng kinh tế số 198/HĐKT/KCN-PNA ngày 08/5/2023*). Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 06 tháng/lần; đã lập về việc thực hiện khai thác, sử dụng nước dưới đất và báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan có chức năng theo quy định. Thời điểm hiện tại, Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đối với dự án trình cơ quan có chức năng thẩm định, phê duyệt theo quy định (*Ký hợp đồng dịch vụ số 0107/GPMT2024/SVV-EPS ngày 01/7/2024 với Công ty TNHH kiến trúc xây dựng và môi trường SANVUONVIET về việc tư vấn và lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường*).

- *Các loại chất thải, nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và biện pháp thu gom, xử lý*

Trong quá trình đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty có phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đã được dán cảnh báo và có khu lưu giữ theo quy định; Công ty đã có biện pháp xử lý ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với Công ty có đăng ký ngành nghề, đảm bảo điều kiện chức năng xử lý theo quy định.

- *Việc thu gom, xử lý khí thải, bụi:*

Căn cứ Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án của Công ty đề nghị UBND huyện Yên Mỹ thẩm định, cấp phép: đơn vị đã đầu tư, lắp đặt lò hơi sử dụng nguyên liệu (vỏ cây, sinh khối, ...) và hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi với công suất 50.000 m³/giờ đảm bảo bụi, khí thải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với hệ số Kp, Kv theo quy định) trước khi thải ra môi trường; đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định.

Thời điểm kiểm tra hiện trạng (20/10/2024): Chất thải rắn công nghiệp (tro xỉ) phát sinh tại dự án đang được Công ty lưu giữ ngoài hàng rào của dự án; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại chưa bố trí vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý bụi, khí thải chưa gắn đầy đủ biển tên công trình, biển tên các hạng mục công trình xử nước thải sinh hoạt; công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải tại dự án. Sau khi Đoàn thanh tra nhắc nhở đối với Công ty về các tồn tại nêu trên, Công ty đã kịp thời khắc phục các tồn tại theo ý kiến của Đoàn thanh tra chỉ ra.



IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Xử lý về hành chính

1.1. Đề nghị Cục thuế tỉnh

Căn cứ quy định của pháp luật thuế: đề nghị Cục trưởng Cục thuế tỉnh, xem xét xử lý vi phạm đối với những tồn tại trong việc chấp hành pháp luật về thuế phát hiện qua thanh tra tại Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam.

1.2. Đối với Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam

- Đề nghị phát huy những ưu điểm đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế phát hiện qua thanh tra trong việc thực hiện pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty. Trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện nghiêm túc việc kê khai, quyết toán và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thực hiện nộp khoản thuế phát hiện qua thanh tra theo Quyết định của Thanh tra tỉnh. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra trước ngày 19/12/2024.

2. Xử lý về kinh tế

Quyết định thu hồi số tiền thuế TNDN phải nộp ngân sách nhà nước tăng thêm được phát hiện qua thanh tra do Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam kê khai, quyết toán thuế TNDN từ năm 2021-2023 chưa chính xác là 65.961.172 đồng (năm 2021: 12.055.486 đồng; năm 2022: 26.579.928 đồng; năm 2023: 27.325.759 đồng). Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam có trách nhiệm nộp số tiền trên vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh (số Tài khoản 3949.0.1060137 tại Kho bạc Nhà nước Hưng Yên) trước ngày 30/11/2024 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức công khai kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; tiến hành theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định. /.

Nơi nhận: *mtc*

- Thanh tra Chính phủ: } (để báo cáo)
- Ủy Ban nhân dân tỉnh: }
- Công ty cổ phần đầu tư bao bì EPS Việt Nam: (để thực hiện)
- Sở Tài nguyên và Môi trường: } (để phối hợp)
- Cục thuế tỉnh: }
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT, HS, GSKT.

CHÁNH THANH TRA



Đào Văn Sơn